

Phụ lục 02

(Dành cho tất cả các cơ quan, đơn vị)

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG LÝ VĂN LÂM**

***(Kèm theo Báo cáo số: 780/BC-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Lý Văn Lâm)***

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
			Tại đơn vị	Trên địa bàn tỉnh	
1.	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC				
1.1.	Kế hoạch CCHC của đơn vị				
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	18		
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	10		
1.2.	Kiểm tra CCHC				
1.1.1.	Số đơn vị đề ra theo Kế hoạch	Cơ quan, đơn vị			
1.1.2.	Số đơn vị được kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề			
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề			
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao				
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ			
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ			
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ			
1.3.4.	Số nhiệm vụ đã quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ			
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức				
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng			
1.4.2.	Hình thức khảo sát				
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0			
		Có = 1			
2.	Cải cách thể chế				
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản			
2.2.	Số VBOPPL đã rà soát	Văn bản			

2.3.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau rà soát	Văn bản			
2.4.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản			
3.	Cải cách thủ tục hành chính				
3.1.	Thống kê TTHC				
	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục			
3.1.1.	Số TTHC tham mưu công bố mới	Thủ tục			
3.1.2.	Số TTHC tham mưu bãi bỏ, thay thế	Thủ tục			
3.1.3.	Số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục			
3.1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	424		
3.1.5.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục			
3.1.6.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục			
3.2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông				
3.2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	3		
3.2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục			
3.2.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%			
3.2.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%			
3.2.5.	Tỷ lệ TTHC được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%			
3.2.5.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục			
3.3.	Kết quả giải quyết TTHC				
3.3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC toàn tỉnh tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100		
3.3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100		
	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ			
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ			
3.3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.89		
	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	905		
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	904		

3.3.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn.	%	100		
3.3.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn.	%	100		
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%			
3.4.1	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	PAKN			
3.4.2	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	PAKN			
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước				
4.1.	<i>Cơ cấu tổ chức bộ máy</i>				
4.1.1.	Tổng số phòng chuyên môn, nghiệp vụ	Cơ quan, đơn vị			
4.1.2.	Tổng số đơn vị hành chính trực thuộc	Cơ quan, đơn vị			
4.1.3.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trực thuộc	Cơ quan, đơn vị			
4.2.	<i>Số liệu về biên chế công chức</i>				
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người			
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người			
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, đơn vị	Người			
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người			
4.3.	<i>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc</i>				
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	346		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	330		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người			
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%			
5	Cải cách chế độ công vụ				
5.1.	<i>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</i>				
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị			
5.1.2.	Số lượng công chức bố trí chưa đúng đề án vị trí việc làm được phê duyệt	Công chức			

5.1.3.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị			
5.1.4.	Số lượng viên chức bố trí chưa đúng đề án vị trí việc làm được phê duyệt	Viên chức			
5.2.	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>				
5.2.1.	Số công chức cấp xã được tuyển dụng	Người			
5.2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người			
5.2.3.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người			
5.3.	<i>Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo</i>				
5.3.1.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người			
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm lại	Người			
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã được bổ nhiệm mới	Người			
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã được bổ nhiệm lại	Người			
5.4.	<i>Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).</i>				
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người			
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người			
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người			
6.	<i>Cải cách tài chính công</i>				
6.1.	Tổng số ĐVSN công lập trực thuộc	Đơn vị			
6.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị			
6.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
6.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị			
6.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị			
6.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị			
6.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị			

6.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
6.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Đơn vị			
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
7.1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1			
7.2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các xã, phường.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1			
7.3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%			
7.4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm Hoàn thành = 2			
7.5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử				
7.5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã				
	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%			
	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%			
7.5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%			
	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%			
	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%			
7.5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh				
	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%			
	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%			
7.6	Dịch vụ công trực tuyến				
7.6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%			

	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	Thủ tục			
	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	Thủ tục			
7.6.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	12.26		
	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	Thủ tục	52		
	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>	Thủ tục	51		
7.6.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%			
	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	Thủ tục	25		
	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình</i>	Thủ tục	25		
7.6.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%			
	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	Thủ tục	27		
	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>	Thủ tục	26		
7.6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%			
	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	Thủ tục			
	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	Thủ tục			
7.7	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần và toàn trình (Chỉ thống kê đối với các TTHC một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ)</i>	%			
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	Hồ sơ	991		
	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	Hồ sơ	978		
7.8	<i>Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	%			

	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>			
	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>			
7.9	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	%			
	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>			
	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>			